

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn L; địa chỉ: Thôn D, xã L huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trương Văn L kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 6 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh L ở xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh L đánh đập chị và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng hai bên không cải thiện được mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị và anh L sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung Trương Thị H sinh ngày 27/7/2000, Trương Quốc A, sinh ngày 11/11/2003 và Trương Hoàng A sinh ngày 04/12/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con chung Trương Quốc A và Trương Hoàng A. Trường hợp Tòa án giao cho chị và anh L mỗi người nuôi 1 con chung, đề nghị Tòa án giao con chung Trương Hoàng A cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Trương Quốc A cho anh L nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự giải quyết. Con chung Trương Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Văn L: Anh Trương Văn L đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh L đến Tòa án giải quyết việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, con chung, tài sản chung nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trương Văn L. Về con chung: Giao con chung Trương Hoàng A sinh ngày 04/12/2009 cho chị L nuôi dưỡng, giao con chung Trương Quốc A, sinh ngày 11/11/2003 cho anh Trương Văn L nuôi dưỡng, con chung Trương Thị H đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giao, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn L theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do còn chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa chị L và anh L là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ, chị không còn thương yêu anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Đối với anh L, Tòa án đã nhiều lần báo anh L đến trình bày quan điểm, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Tuy nhiên, anh L đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn L đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trương Văn L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn L có 03 con chung Trương Thị H sinh ngày 27/7/2000, Trương Quốc A, sinh ngày 11/11/2003 và Trương Hoàng A sinh ngày 04/12/2009. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có quan điểm được nuôi con chung Trương Hoàng A còn để anh Trương Văn L nuôi con chung Trương Quốc A, về cấp dưỡng con chung sau ly hôn hai bên tự thỏa thuận. Con chung Trương Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Anh Trương Văn L không có quan điểm về việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, quan điểm của đương sự, nguyện vọng con chung, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại chị L và anh L đều có việc làm, thu nhập, điều kiện nuôi dưỡng con chung là ngang nhau, nguyện vọng của con chung Trương Quốc Anh muốn ở với bố, con chung Trương Hoàng Anh muốn ở với mẹ nên giao con chung Trương Hoàng A cho chị L nuôi dưỡng, giao con chung Trương Quốc A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét, sau này các bên có tranh chấp về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng con chung sau ly hôn, Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Trương Thị H đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trương Văn L không có quan điểm trình bày về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn L có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trương Văn L.
2. Về con chung: Giao con chung Trương Hoàng A sinh ngày 04/12/2009 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng; giao con chung Trương Quốc A, sinh ngày 11/11/2003 cho anh Trương Văn L nuôi dưỡng sau ly hôn. Con chung Trương Thị H đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho

đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị L đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012940 ngày 15 tháng 12 năm 2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương